



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 05/2026

 CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Website: [/dsdc.com.vn/](http://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](http://tntplaw.vn/)

Liên hệ: (+84) 93 179 8818

NHỮNG MỤC TIN CHÍNH

Những điểm mới đáng chú ý về đầu tư theo Luật số 90/2025/QH15 từ 01/7/2025

- Sửa đổi, bổ sung ngành nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư theo Luật số 90
- Bổ sung đối tượng được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo Luật số 90
- Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện
- Bổ sung quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

Quy định mới về triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

- Nhà đầu tư Việt Nam được phép hoán đổi cổ phần, phần vốn góp, lợi nhuận để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế ở nước ngoài
- Bổ sung trường hợp miễn Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
- Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Công văn 5427/BTC-DNTN: Hướng dẫn về việc đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

- Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
- Hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài theo Công văn 5427/BTC-DNTN
- Phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng ký kinh doanh

Những điểm mới đáng chú ý về đầu tư theo Luật số 90/2025/QH15 từ 01/7/2025

Ngày 01/7/2025, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ("**Luật số 90**") chính thức có hiệu lực đã đem đến những thay đổi quan trọng, đặc biệt trong việc thúc đẩy sự đầu tư và phát triển trong lĩnh vực công nghệ số tại Việt Nam. Những thay đổi này mở ra cơ hội mới cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong việc định hướng hoạt động đầu tư. Bài viết dưới đây của TNTP sẽ phân tích những điểm mới quan trọng nhất về Luật đầu tư từ 01/7/2025.

1. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư theo luật số 90

Về ngành nghề ưu đãi đầu tư, theo khoản 1 Điều 6 Luật số 90, danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư được mở rộng với nhiều lĩnh vực chiến lược, cụ thể như sau:

Đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

Đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

Đầu tư trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số;

Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị; kinh doanh vận tải đường sắt; công nghiệp đường sắt và đào tạo nguồn nhân lực đường sắt.

Đồng thời, Luật số 90 đã có sự điều chỉnh cụm từ "công nghệ thông tin" thành "công nghệ số" tại tên gọi của các ngành nghề ưu đãi đầu tư nhằm phù hợp với Luật Công nghiệp Công nghệ số sắp tới sẽ có hiệu lực vào 01/01/2026.

Về địa bàn ưu đãi đầu tư, Luật số 90 đã bổ sung "khu công nghệ số tập trung" vào danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư. Quy định này giúp đồng bộ hóa với chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và chuyển đổi số đến năm 2030. Khu công nghệ số tập trung với nhiều chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, cũng như hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ, được kỳ vọng sẽ trở thành động lực mới cho việc phát triển hệ sinh thái công nghệ số tại Việt Nam.

Như vậy, Luật số 90 đã đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ trong việc khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ tiên tiến. Những sửa đổi này phản ánh định hướng phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam.

Những điểm mới đáng chú ý về đầu tư theo Luật số 90/2025/QH15 từ 01/7/2025

2. Bổ sung đối tượng được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo Luật số 90

Khoản 3 Điều 6 Luật số 90 mở rộng các đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt, bao gồm:

Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư;

Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;



Những điểm mới đáng chú ý về đầu tư theo Luật số 90/2025/QH15 từ 01/7/2025

Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số đáp ứng quy mô tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư;

Dự án đầu tư (bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Như vậy, Luật số 90 đã bổ sung nhiều đối tượng được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt, tạo cơ chế khuyến khích các dự án quy mô lớn, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo và bán dẫn tại Việt Nam.

3. Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã được bổ sung tại khoản 18 Điều 6 Luật số 90, bao gồm:

- Hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.

Với sự ban hành của Luật Công nghiệp Công nghệ số 2025 (có hiệu lực ngày 01/01/2026) và Luật số 90, lần đầu tiên, tài sản mã hóa được phép chính thức kinh doanh và đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

Những điểm mới đáng chú ý về đầu tư theo Luật số 90/2025/QH15 từ 01/7/2025

4. Bổ sung quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư 2020 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 8 Điều 6 Luật số 90, một số dự án trước đây thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ nay sẽ thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh, bao gồm:

Dự án đầu tư có yêu cầu di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

Dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; đường cất hạ cánh của cảng hàng không, sân bay; nhà ga hành khách của cảng hàng không quốc tế; nhà ga hàng hóa của cảng hàng không, sân bay có công suất từ 01 triệu tấn/năm trở lên;

Dự án đầu tư mới kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không;

Dự án đầu tư chế biến dầu khí.

Những thay đổi bổ sung này thể hiện xu hướng phân cấp, phân quyền rõ ràng hơn, tăng cường vai trò quản lý của địa phương và đơn giản hóa thủ tục đầu tư cho các dự án có quy mô lớn hoặc tác động đáng kể đến dân cư và hạ tầng.

Luật số 90/2025/QH15 mang đến nhiều điểm mới quan trọng về đầu tư. Những thay đổi này không chỉ phản ánh định hướng phát triển kinh tế số, công nghệ tiên tiến và đổi mới sáng tạo của Việt Nam, mà còn góp phần đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phân cấp quản lý và tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư.



Quy định mới về triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Trong bối cảnh doanh nghiệp Việt Nam ngày càng mở rộng hiện diện thương mại tại thị trường quốc tế, hoạt động đầu tư ra nước ngoài không còn chỉ nhằm tăng trưởng doanh thu mà đã trở thành công cụ để tái cấu trúc chuỗi cung ứng, tiếp cận công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh. Cùng với xu hướng đó, Luật Đầu tư 2025 và Nghị định 103/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài ("**Nghị định 103**") đã thiết lập cơ chế quản lý chặt chẽ hơn đối với hoạt động đầu tư ở nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam. Trong bài viết dưới đây, TNTP sẽ phân tích một số quy định mới và các vấn đề doanh nghiệp cần lưu ý khi triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

1. Nhà đầu tư Việt Nam được phép hoán đổi cổ phần, phần vốn góp, lợi nhuận để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế ở nước ngoài

Một điểm mới đáng chú ý của khung pháp lý hiện hành là việc hoàn thiện cơ chế hoán đổi cổ phần trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Cụ thể, Điều 69 Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư ("**Nghị định 31**") trước đây chỉ mới đặt ra vấn đề về việc hoán đổi, trong khi Nghị định 103/2026/NĐ-CP không chỉ kế thừa mà còn bổ sung cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc sử dụng lợi nhuận phát sinh tại nước ngoài như một nguồn để thực hiện giao dịch hoán đổi, qua đó tạo thêm công cụ linh hoạt cho nhà đầu tư trong việc cấu trúc các giao dịch M&A xuyên biên giới.

Theo khoản 4 Điều 6 Nghị định 103, nhà đầu tư Việt Nam có thể sử dụng cổ phần, phần vốn góp, lợi nhuận của tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoặc dự án đầu tư của chính mình tại Việt Nam để thanh toán hoặc hoán đổi cho việc mua cổ phần, phần vốn góp hoặc dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để thực hiện giao dịch hoán đổi này, nhà đầu tư cần tuân thủ một số nguyên tắc quan trọng:

Phải thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài theo quy định trước khi tiến hành giao dịch;

Giao dịch phải được xác định giá trị theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm tuân thủ quy định về thuế, phòng chống rửa tiền, chống chuyển giá và các quy định pháp luật liên quan;

Trường hợp giao dịch dẫn đến việc nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng phần vốn hoặc dự án tại Việt Nam, phải thực hiện đầy đủ thủ tục đầu tư trong nước;

Không làm phát sinh quan hệ sở hữu, kiểm soát trái pháp luật hoặc bị lợi dụng để thực hiện các hành vi vi phạm như trốn thuế, rửa tiền.

Các quy định này góp phần giải quyết những vướng mắc thực tiễn trước đây, đặc biệt trong trường hợp nhà đầu tư sử dụng khoản phải thu hoặc lợi nhuận tích lũy ở nước ngoài để tái đầu tư, đồng thời thiết lập một cơ chế minh bạch và có kiểm soát hơn cho các giao dịch đầu tư xuyên biên giới.

Quy định mới về triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

2. Bổ sung trường hợp miễn Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

Một điểm mới quan trọng của Luật Đầu tư 2025 và Nghị định 103 là việc bổ sung cơ chế miễn Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong một số trường hợp nhất định.

Theo cơ chế trước đây tại Luật Đầu tư 2020 và Nghị định 31, tất cả các dự án đầu tư ra nước ngoài đều phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, không phân biệt quy mô hay tính chất dự án. Quy định này trên thực tế đã tạo ra gánh nặng thủ tục hành chính đáng kể, đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy mô nhỏ.

Khắc phục bất cập nêu trên, Điều 18 Nghị định 103 đã chuyển sang cách tiếp cận có phân loại. Theo đó nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mà chỉ cần thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối đối với một số trường hợp, bao gồm:

Dự án đầu tư ra nước ngoài có quy mô vốn nhỏ (dưới 7 tỷ đồng) và không thuộc ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện;

Dự án gắn với quốc phòng, an ninh theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài;

Dự án của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước theo danh mục được quy định;

Một số dự án của tổ chức kinh tế không thuộc diện báo cáo Thủ tướng Chính phủ, với điều kiện đáp ứng các tiêu chí về quy mô, hiệu quả kinh doanh, nguồn vốn và kinh nghiệm đầu tư ra nước ngoài.



Quy định mới về triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Tuy nhiên, việc được miễn Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài không đồng nghĩa với việc được miễn các nghĩa vụ pháp lý liên quan. Theo đó, nhà đầu tư vẫn phải thực hiện kê khai thông tin dự án trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và đăng ký giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước trước khi chuyển vốn ra nước ngoài.

Ngoài ra, trong trường hợp dự án ban đầu không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận nhưng sau đó điều chỉnh tăng vốn dẫn đến vượt ngưỡng hoặc thay đổi điều kiện, nhà đầu tư vẫn phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định.

Quy định mới này được đánh giá là một bước cải cách đáng kể, góp phần giảm tải thủ tục hành chính, đồng thời vẫn bảo đảm kiểm soát dòng vốn đầu tư ra nước ngoài thông qua cơ chế quản lý ngoại hối và nghĩa vụ báo cáo.

3. Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

3.1. Mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài luôn gắn với cơ chế quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo Điều 31 Nghị định 103, nhà đầu tư phải mở tài khoản này tại một tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định về quản lý ngoại hối.

Đây là tài khoản bắt buộc và được xem là kênh duy nhất để thực hiện toàn bộ giao dịch chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, bao gồm góp vốn, thu hồi vốn, chuyển lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp khác. Trường hợp thực hiện giao dịch ngoại tài khoản vốn đầu tư, nhà đầu tư có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

3.2. Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

Căn cứ Điều 32 Nghị định 103, việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện cơ bản như: (i) có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (nếu thuộc diện); (ii) được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận hoặc có tài liệu chứng minh quyền đầu tư; và (iii) có tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài.

Một điểm mới đáng chú ý là hiện nay, nhà đầu tư được phép chuyển tiền trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để phục vụ hoạt động chuẩn bị đầu tư, với hạn mức tối đa 5% tổng vốn đầu tư và không quá 300.000 USD (trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ), góp phần tăng tính linh hoạt trong giai đoạn tiền đầu tư.

Quy định mới về triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

3.3. Sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận, tái đầu tư và kiểm soát dòng tiền. Theo đó Điều 33 Nghị định 103, nhà đầu tư được giữ lại lợi nhuận thu từ đầu tư ở nước ngoài để tái đầu tư trong trường hợp sau:

Tiếp tục góp vốn đầu tư ở nước ngoài trong trường hợp chưa góp đủ vốn theo đăng ký;

Tăng vốn đầu tư ra nước ngoài;

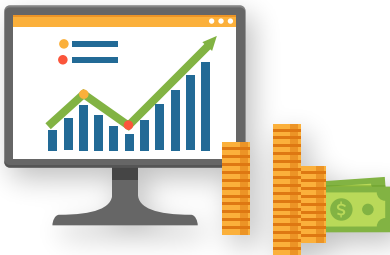
Thực hiện dự án đầu tư mới ở nước ngoài.

Đối với trường hợp tăng vốn hoặc tiếp tục góp vốn, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Đối với trường hợp triển khai dự án mới bằng nguồn lợi nhuận giữ lại, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mới theo quy định.

3.4. Chuyển lợi nhuận về nước

Một trong những thay đổi đáng chú ý nhất so với Luật Đầu tư 2020 về việc chuyển lợi nhuận về nước là thời hạn chuyển lợi nhuận về nước đã được kéo dài từ 06 tháng lên 12 tháng kể từ ngày được chia lợi nhuận, quy định tại Điều 34 Nghị định 103. Quy định này tạo sự linh hoạt hơn cho nhà đầu tư trong việc cân đối dòng tiền và tái đầu tư.

Tuy nhiên, trường hợp chưa thể chuyển lợi nhuận đúng thời hạn, nhà đầu tư phải thông báo trước bằng văn bản cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời hạn chuyển lợi nhuận về nước được kéo dài không quá 12 tháng kể từ ngày hết thời hạn.



Quy định mới về triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài

3.5. Báo cáo đầu tư ra nước ngoài

Chế độ báo cáo là nghĩa vụ xuyên suốt trong toàn bộ vòng đời dự án đầu tư ra nước ngoài. Theo Điều 35 Nghị định 103, nhà đầu tư phải đăng ký tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và thực hiện báo cáo định kỳ. Các kỳ báo cáo cụ thể bao gồm báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20 của tháng sau kỳ báo cáo và báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 02 của năm sau.

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Nghị định 103 so với các quy định trước đây là việc tăng cường cơ chế giám sát và chế tài tuân thủ. Theo đó, trường hợp vi phạm nghĩa vụ báo cáo không chỉ bị xử phạt hành chính mà còn có thể bị công khai vi phạm trên Hệ thống thông tin quốc gia và cổng thông tin của Bộ Tài chính, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến việc xem xét cấp mới hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho các dự án tiếp theo.

3.6. Nghĩa vụ tài chính

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không miễn trừ nhà đầu tư khỏi nghĩa vụ tài chính tại Việt Nam. Theo Điều 36 Nghị định 103, mọi nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài theo pháp luật thuế Việt Nam. Đối với doanh nghiệp nhà nước, nghĩa vụ quản lý vốn còn được kiểm soát theo pháp luật về quản lý vốn nhà nước.

Việc miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với phần vốn bằng hàng hóa, máy móc, thiết bị chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư và chuyển từ nước ngoài về Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Bên cạnh đó, trong các giao dịch đầu tư xuyên biên giới, doanh nghiệp cũng cần rà soát hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư nhằm đảm bảo quyền lợi của mình.

3.7. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại dự án đầu tư ở nước ngoài

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài thường kéo theo nhu cầu điều động nhân sự Việt Nam sang làm việc tại dự án ở nước ngoài. Theo Điều 37 Nghị định 103, việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại dự án ở nước ngoài thực hiện theo pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư.

Trách nhiệm của nhà đầu tư trong lĩnh vực này bao gồm ba nhóm: tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về đưa lao động đi làm việc tại dự án nước ngoài; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động Việt Nam tại nước ngoài; và chịu trách nhiệm giải quyết toàn bộ vấn đề phát sinh trong quá trình đưa lao động đi làm việc.

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài hiện này đã được Luật Đầu tư 2025 và Nghị định 103 điều chỉnh theo hướng kiểm soát chặt điều kiện đầu tư, quản lý ngoại hối, nghĩa vụ báo cáo và chuyển lợi nhuận. Doanh nghiệp cần rà soát đồng thời cấu trúc đầu tư, hồ sơ pháp lý, nghĩa vụ thuế và quy định của nước tiếp nhận đầu tư trước khi triển khai dự án.

Công văn 5427/BTC-DNTN: Hướng dẫn về việc đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài, việc đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp cho nhà đầu tư nước ngoài đang trở thành một trong những nội dung được đặc biệt quan tâm. Trên cơ sở Luật Đầu tư 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 29/04/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn 5427/BTC-DNTN về việc đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài. Bài viết dưới đây sẽ phân tích những nội dung đáng chú ý của Công văn 5427/BTC-DNTN về việc đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định mới của pháp luật Việt Nam.

1. Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đầu tư 2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2026. Luật tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về đầu tư, phù hợp với yêu cầu thu hút đầu tư có chọn lọc và bảo đảm lợi ích quốc gia trong giai đoạn phát triển mới. Trong đó, khoản 2 Điều 19 Luật Đầu tư 2025 quy định nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định của Luật Đầu tư 2025 khi thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế. Đây được xem là một trong những điểm mới quan trọng của Luật Đầu tư 2025, thể hiện sự thay đổi trong cách tiếp cận đối với thủ tục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

So với quy định trước đây tại điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư 2020, trước khi thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư và thực hiện thủ tục cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trừ trường hợp thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo hoặc quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Điều này đồng nghĩa với việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là một trong những điều kiện bắt buộc trước khi nhà đầu tư nước ngoài được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam. Trong khi đó, Luật Đầu tư 2025 đã thay đổi cách tiếp cận theo hướng linh hoạt hơn khi cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế trước, sau đó mới thực hiện thủ tục cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Quy định mới này góp phần tách biệt thủ tục đăng ký doanh nghiệp với thủ tục đầu tư, qua đó đơn giản hóa quy trình gia nhập thị trường và tạo thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mặc dù được phép thành lập tổ chức kinh tế trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài vẫn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện tiếp cận thị trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Các điều kiện tiếp cận thị trường mà nhà đầu tư cần lưu ý bao gồm điều kiện về ngành nghề đầu tư kinh doanh, giới hạn tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài, hình thức đầu tư hoặc các yêu cầu theo điều ước quốc tế và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc danh mục hạn chế tiếp cận thị trường, nhà đầu tư vẫn phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý theo quy định hiện hành.

Công văn 5427/BTC-DNTN: Hướng dẫn về việc đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

2. Hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài theo Công văn 5427/BTC-DNTN

a. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế

Theo Công văn 5427/BTC-DNTN, trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã được thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật về hợp tác xã hiện hành và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Cụ thể, đối với thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài phải chuẩn bị hồ sơ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Trong đó, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là một trong những tài liệu bắt buộc trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Đối với trường hợp đăng ký thành lập hợp tác xã, hồ sơ được thực hiện theo khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã 2023. Tương tự thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hợp tác xã cũng phải bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Như vậy, đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế, Công văn 5427/BTC-DNTN chủ yếu mang tính chất hướng dẫn và dẫn chiếu áp dụng các quy định pháp luật hiện hành, chưa đặt ra thay đổi mới về thành phần hồ sơ đăng ký. Theo đó, trong trường hợp này, nhà đầu tư nước ngoài vẫn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước, sau đó mới tiến hành đăng ký thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam.

Bên cạnh việc quy định thành phần hồ sơ, Công văn 5427/BTC-DNTN cũng dẫn chiếu việc sử dụng các biểu mẫu đăng ký tương ứng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính nhằm bảo đảm tính thống nhất trong quá trình đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã có yếu tố nước ngoài.



Công văn 5427/BTC-DNTN: Hướng dẫn về việc đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

b. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trước khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Một trong những nội dung đáng chú ý của Công văn 5427/BTC-DNTN là việc hướng dẫn cụ thể thành phần hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã trước khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Theo quy định của pháp luật đầu tư trước thời điểm Luật Đầu tư 2025 có hiệu lực, việc thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thường gắn với yêu cầu nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước, sau đó mới thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hợp tác xã. Vì vậy, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được xem là một trong những tài liệu bắt buộc trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 19 Luật Đầu tư 2025 và khoản 3 Điều 72 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp này không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã 2023). Đây là điểm mới đáng chú ý, tạo điều kiện để nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ chức kinh tế nhanh chóng hơn mà không cần hoàn tất trước thủ tục đầu tư.

Có thể thấy, cách tiếp cận này phản ánh xu hướng cải cách thủ tục đầu tư theo hướng chuyển một phần trách nhiệm kiểm soát điều kiện đầu tư từ cơ quan đăng ký sang cơ chế tự cam kết và tự chịu trách nhiệm của nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, thay vì phải chứng minh việc đáp ứng điều kiện đầu tư thông qua Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngay tại thời điểm đăng ký thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư được phép thực hiện đăng ký thành lập trước nhưng phải tự cam kết về việc đáp ứng đầy đủ điều kiện tiếp cận thị trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan. Theo hướng dẫn tại Công văn 5427/BTC-DNTN, nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường phải được thể hiện trực tiếp trong giấy đề nghị đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã. Cam kết này được xem là cơ sở để nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng các điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm điều kiện về ngành nghề đầu tư kinh doanh, tỷ lệ sở hữu vốn, hình thức đầu tư và các điều kiện khác theo quy định pháp luật chuyên ngành.

Công văn 5427/BTC-DNTN: Hướng dẫn về việc đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

3. Phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng ký kinh doanh

Bên cạnh việc hướng dẫn thành phần hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài, Công văn 5427/BTC-DNTN cũng làm rõ phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng ký kinh doanh trong quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã có yếu tố nước ngoài. Theo đó, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã và đăng ký kinh doanh. Việc xử lý hồ sơ được thực hiện trên cơ sở thông tin, tài liệu do nhà đầu tư kê khai và tự chịu trách nhiệm. Cơ quan đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm đối với các vi phạm pháp luật phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc từ nội dung kê khai của nhà đầu tư.

Đáng chú ý, Công văn 5427/BTC-DNTN khẳng định Luật Đầu tư 2025 và Nghị định 96/2026/NĐ-CP không quy định cơ quan đăng ký kinh doanh phải xem xét nội dung cam kết của nhà đầu tư nước ngoài về việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường tại thời điểm đăng ký thành lập tổ chức kinh tế. Điều này đồng nghĩa với việc cơ quan đăng ký kinh doanh không thực hiện thẩm định trước đối với các điều kiện đầu tư áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm cam kết đáp ứng các điều kiện tiếp cận thị trường theo quy định của Luật Đầu tư 2025, Nghị định 96/2026/NĐ-CP và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Công văn 5427/BTC-DNTN đã làm rõ nhiều nội dung quan trọng liên quan đến thủ tục đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định mới của Luật Đầu tư 2025. Trong bối cảnh các quy định pháp luật về đầu tư và doanh nghiệp tiếp tục được hoàn thiện, việc cập nhật kịp thời các hướng dẫn mới sẽ giúp nhà đầu tư nước ngoài chủ động hơn trong quá trình thành lập và vận hành tổ chức kinh tế tại Việt Nam, đồng thời hạn chế các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong thực tiễn hoạt động.

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 05/2026

CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Văn phòng tại Hồ Chí Minh:

Phòng 1901, Tầng 19, Tòa nhà Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ: (+84) 903 503 285 - (+84) 282 220 0911

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Hà Nội:

Số 2, Ngõ 308 Tây Sơn, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Liên hệ: (+84) 931 798 818


Email: ha.nguyen@tntplaw.com.vn

Văn phòng tại Đà Nẵng:

31 Đường Trần Phú, phường Hải Châu, Đà Nẵng

Liên hệ: (+84) 903 503 285

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

 /dsdc.com.vn/ & /tntplaw.vn/

 /giaiquyettranhchaphathuhoino/